

Tên: .....

Lớp: S3...

Ngày giao bài: Thứ ....., ngày ..../....

Ngày nộp bài: Thứ ....., ngày ..../....



Từ vựng & Ngữ pháp: .....

Nghe: .....

Mini test: .....

## GLOBAL ENGLISH 3

### Unit 1+2: Vocabulary Revision

#### A. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	tray (n)	cái khay, cái mâm	4	diary (n)	nhật ký
2	race (n)	cuộc đua	5	lovely (adj)	dễ thương, đáng yêu
3	mechanic (n)	thợ máy	6	tent (n)	cái lều

\*Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.

\*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi.

#### B. HOMEWORK

##### I. Odd one out. (Khoanh tròn từ khác loại.)

- |               |          |  |
|---------------|----------|--|
| 0. A. ladder  | B. pole  | <input checked="" type="radio"/> C. candle |
| 1. A. wedding | B. carry | C. build                                   |
| 2. A. groom   | B. bride | C. rope                                    |
| 3. A. match   | B. draw  | C. measure                                 |
| 4. A. pole    | B. act   | C. turn around                             |
| 5. A. rope    | B. match | C. pole                                    |

##### II. Unscramble the letters to make correct words. (Sắp xếp lại các chữ cái để tạo thành từ đúng.)

0. A person who gets married is a(n) groom.

m e e r g

1. On Sunday, my uncle and aunt had a(n) \_\_\_\_\_.

w d d n g e i

2. At school, we sometimes \_\_\_\_\_ in a play.

a t c

3. People use bricks to \_\_\_\_\_ a house.

d l b u i

4. I \_\_\_\_\_ my schoolbag to school.

y r c a r

5. A(n) \_\_\_\_\_ helps us to climb up to the roof.

d e r d l a



### III. Complete the table. (Hoàn thành bảng.)

Last month	This month	Next month
December	0. <u>January</u>	February
March	April	1. _____
May	2. _____	July
3. _____	November	December
4. _____	September	October
June	5. _____	August

### IV. Read the text and choose True (T) or False (F).

(Đọc đoạn văn và chọn Đúng (T) hoặc Sai (F).)

#### A School Fair

Last Saturday, our school had a fair. In the morning, we watched a football match between Class 5A and 5B. The match ended in a draw, so both teams were happy.

After that, students built small tents for games. One game was climbing a ladder and touching a pole. Another game used a rope for skipping. We also had a race where we carried books on a tray.

In the afternoon, there was a contest to measure how far students could jump. The day finished with a play. Children acted on stage, and everyone clapped.

- |  |                                    |   |
|--|------------------------------------|---|
| 0. The football match was between Class 5A and 5B. | <input checked="" type="radio"/> T | F |
| 1. The match ended with Class 5A as the winner.    | T                                  | F |
| 2. Students built small tents for games.           | T                                  | F |
| 3. One game used a ladder and a pole.              | T                                  | F |
| 4. Students carried water on a tray in a race.     | T                                  | F |
| 5. The day finished with a play on the stage.      | T                                  | F |

### V. Read the text in Exercise IV again. Complete each sentence with 1 word using PAST SIMPLE.

(Đọc lại đoạn văn ở bài IV. Điền 1 từ để hoàn thành mỗi câu sử dụng thì QUÁ KHỨ ĐƠN.)

- We watched a football match between Class 5A and 5B.
- Both teams \_\_\_\_\_ happy because the match ended in a draw.
- There \_\_\_\_\_ small tents for games after the match.
- One game \_\_\_\_\_ a rope for skipping.
- In the race, students \_\_\_\_\_ books on a tray.
- The school day \_\_\_\_\_ with a play on the stage.



CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

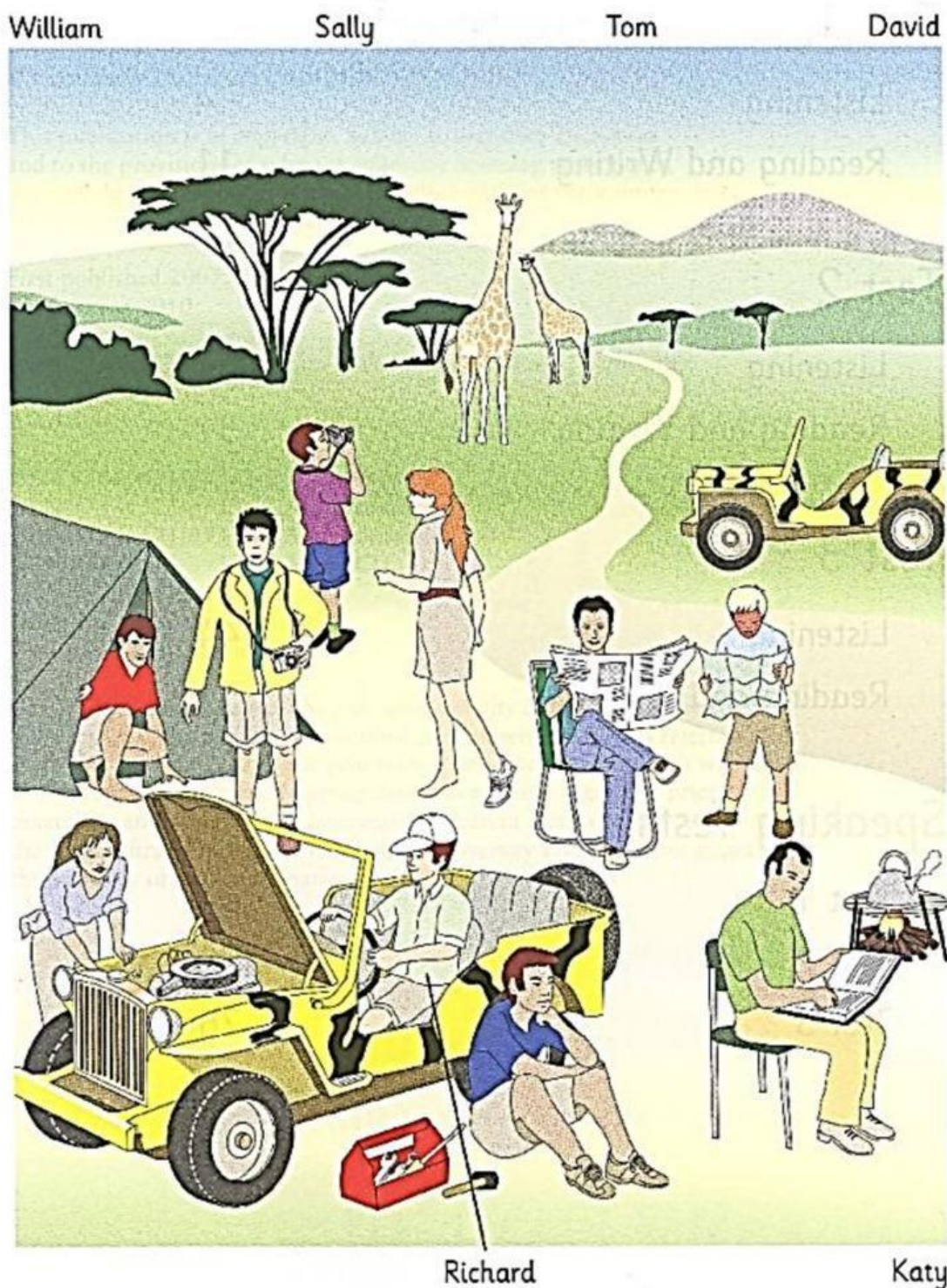
Các con nghe bài ở link sau: <https://soundcloud.com/ms-chi-english/flyers-5-test-1-part-1>

# Listening

## Part 1

– 5 questions –

Listen and draw lines. There is one example.



Richard

Katy